

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2025-2026

Kèm theo Nghị quyết 385//2024NQ-HĐND, ngày 10/12/2024 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

STT	Danh mục	DỰ TOÁN THU			DỰ TOÁN CHI	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền		
I	DỊCH VỤ PHỤC VỤ BÁN TRÚ CÓ TỔ CHỨC NẤU ĂN					
1	Dịch vụ ăn uống bán trú của học sinh	Ngày/trẻ	1	24.000đ	Ăn bữa chính (bữa trưa); bữa phụ (xế chiều)	
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú: thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	Tháng/trẻ	1	255.000đ	Hợp đồng nấu ăn: 86,000đ; Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường 40,000đ; Hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa 129,000đ	
3	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	Tháng/trẻ	1	45.000đ	Gar, điện, nước máy, nước rửa xoong, nồi, chén bát...	
II	DỊCH VỤ TĂNG CƯỜNG VỆ SINH CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TRẺ MẦM NON, VỆ SINH SÂN TRƯỜNG VÀ KHU VỰC VỆ SINH CỦA HỌC SINH THEO NHU CẦU	Tháng/trẻ	1	40.000đ	Hợp đồng vệ sinh khu vệ sinh học sinh, mua dụng cụ, vật tư vệ sinh 11,000đ; hợp đồng vệ sinh sân trường: 29,000đ;	
Ghi chú: Ngoài dự toán nêu trên, Ban đại diện CMHS và giáo viên các lớp không được thu bất kỳ khoản đóng góp nào khi chưa được sự đồng ý của BGH nhà trường và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh. Trân trọng						

Nam Gia Nghĩa, ngày 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN CMHS

Trương Thị Kiều My

KÊ TOÁN

Đào Thị Thúy Hằng

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nguyên

DỰ TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ NĂM HỌC 2025-2026

(kèm theo kế hoạch số: 02/KH -HPV Ngày 03/10/2025 của Trường MN Hoa Phượng Vàng)

I. PHẦN DỰ TOÁN THU

STT	Các khoản thu	Đồng/học sinh/ tháng	Số học sinh	Số tháng	Thành tiền
1	Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu	40,000	460	9	165,600,000
2	Dịch vụ phục vụ bán trú có tổ chức nấu ăn: a+b				1,242,000,000
a	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	255,000	460	9	1,055,700,000
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	45,000	460	9	186,300,000
Tổng cộng 1+2					1,407,600,000
c	Dịch vụ ăn bán trú (tiền ăn trưa và xế) 24.000 đồng/ngày	24,000			Tùy theo số lượng học sinh ăn theo ngày

I. PHẦN DỰ TOÁN CHI

1. Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu: 165.600.000 đồng.

Ghi chú: Dựa trên thời gian làm việc tiêu chuẩn: 1 tháng là 22 ngày, 1 ngày là 8 giờ.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Số tiền
-----	----------	-------------	----------	----------------	----------	---------

1	Hợp đồng vệ sinh trọn gói 02 người x 29.000đồng/ tháng (tiền công, các khoản đóng BHXH,YT,TN, hỗ trợ xăng xe, ngày lễ.. và chi phí dụng cụ vệ sinh)	Người	2	6,670,000	9	120,060,000
2	Mua đồ dùng vật dụng vệ sinh lớp học: 11.000đ(giấy vệ sinh, vim, nước lau sàn....)	Lớp	460	11,000	9	45,540,000
	Tổng cộng chi					165,600,000

2. Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa: 1.055.700.000 đồng.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền
a	Thuê người nấu ăn (86.000 đồng)		6			356,040,000
	Bếp trưởng: 14,900 đồng	Người	1	6,854,000	9	61,686,000
	Bếp phó: 14.400 đồng/tháng	Người	1	6,624,000	9	59,616,000
	Nhân viên: 14.175 đồng/tháng	Người	1	6,520,500	9	58,684,500
	Nhân viên: 14.175 đồng/tháng	Người	1	6,520,500	9	58,684,500
	Nhân viên: 14.175 đồng/tháng	Người	1	6,520,500	9	58,684,500
	Nhân viên: 14.175 đồng/tháng	Người	1	6,520,500	9	58,684,500
b	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường(40.000đồng)		6			165,600,000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Hiệu trưởng) 9.000đ	Người	1	4,150,000	9	37,350,000
	Chi phí tổ chức quản lý chuyên môn tại trường (Phó HT)7.750đ	Người	1	3,560,000	9	32,040,000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Phó HT) 7.750đ	Người	1	3,560,000	9	32,040,000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (Kế toán) 6.750đ	Người	1	3,100,000	9	27,900,000

	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (y tế) 6.750đ	Người	1	3,100,000	9	27,900,000
	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường (bảo vệ) 2.000đ	Người	1	930,000	9	8,370,000
c	Hỗ trợ trực trưa : 15 lớp *2 GV/lớp (129.000đồng)	Người	32	1,854,375	9	534,060,000
	Tổng cộng					1,055,700,000

3. Dịch vụ ăn bán trú (tiền ăn trưa và xế chiều): 24.000 đồng/hs/ ngày. Dự toán cho 22 ngày/ tháng.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền/ngày	Số tháng	Thành tiền
a	Chi tiền ăn trưa và xế (thực phẩm tươi sống, thực phẩm khô, sữa chua, gạo+ gia vị)	Học sinh	460	23,600	9	2,149,488,000
b	Chi tiền nước uống (400đ)	Học sinh	460	400	9	36,432,000
<i>Ghi chú: Số lượng học sinh có thể diễn biến thay đổi tùy ngày do nghỉ học, không tham gia ăn</i>						

4. Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú: 186.300.000 đồng.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tháng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua ga	Bình	7	9	1,700,000	107,100,000
2	Điện	Kw	1300	3	3,600	14,040,000
3	Nước máy phục vụ nấu ăn	Khối	185	9	10,000	16,650,000
4	Dụng cụ vệ sinh phục vụ công tác bán trú (bổ sung xoong nôi, thớt, dao, nước rửa chén, nước lau sàn...)					48,510,000
	Miếng lưới rửa chén (20 miếng /tháng)	Miếng	20	9	7,000	1,260,000
	Miếng chà nôi (20 miếng /tháng)	Miếng	20	9	8,100	1,458,000
	Nước rửa chén 3.6 (7 can / tháng)	Can	7	9	86,100	5,424,300
	Nước lau sàn nhà bếp, 2 chai/tháng)	Chai	2	9	40,000	720,000
	Túi đựng rác	Kg	8	9	32,000	2,304,000
	Nước rửa tay liboy nhà bếp	Chai	9	9	75,000	6,075,000

Bao tay cao su	Đôi	20	9	20,200	3,636,000
Bao tay chia ăn	kg	5	9	90,000	4,050,000
Xà bông giặt khăn nhà bếp	kg	9	9	45,000	3,645,000
Ship bếp (lau bếp)	Chai	6	9	31,000	1,674,000
Khẩu trang y tế nhà bếp, chia ăn lớp (10 hộp/bếp/tháng)	Hộp	10	9	55,000	4,950,000
Xoong nồi(5 cái/năm)	Cái	5		240,000	1,200,000
Thớt(10 cái/năm)	Cái	10		250,000	2,500,000
Tạp dề (12 cái/năm)	Cái	12		142,500	1,710,000
dao(20 cái/năm)	Cái	10		130,000	1,300,000
thìa, muôi(100cái/năm)	Cái	100		11,000	1,100,000
Xô, chậu(3 cái/tháng)	Cái	3	9	100,000	2,700,000
Ca múc nước(2 cái/tháng)	Cái	2	9	20,000	360,000
Đồng phục(2 bộ/ năm)	bộ	12		203,642	2,443,700
TỔNG CỘNG					186,300,000

Nam Gia Nghĩa, ngày 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN CMHS



Trương Thị Kiều My

Kế toán

Đào Thị Thuý Hằng

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nguyên